TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN N** **TỈNH NINH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2022/DS - ST

Ngày: 12 - 01 - 2022

V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH NINH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Trần Văn Tùng

Các Hội thẩm nhân dân: ông Phạm Ngọc Minh và bà Lê Thị Hường.

- Thư ký phiên tòa: bà Lê Thị Nhân – Thư ký Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên toà: bà Lưu Thị Kim Thuyền - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Thuận, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 93/2021/TLST-DS, ngày 27 tháng 6 năm 2021 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tai sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2021/QĐXX-ST ngày 21 tháng 12 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2022/QĐST-DS ngày 05 tháng 01 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: ông Lý Vĩ C – Sinh năm: 1980; địa chỉ: khu phố x, phường Đ, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận.

Đại diện hợp pháp theo ủy quyền: ông Trần Kim C – Sinh năm: 1956; địa chỉ: Số x đường C, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận. (Văn bản ủy quyền ngày 02-3-2021) – Có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: ông Lê Duy P - Sinh năm: 1979 – Văng mặt lần 2 không có lý do.

Địa chỉ: Thôn L, xã A, huyện N, tỉnh Ninh Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện ngày 03-3-2021 và tại phiên tòa đại diện hợp pháp theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Đầu năm 2017, ông Lê Duy P có vay của ông Lý Vĩ C số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng), mỗi tháng trả lãi 600.000 đồng, không thỏa thuận thời gian trả nợ, ông C đã giao đủ số tiền 10.000.000 đồng cho ông Lê Duy P. Trong quá trình thực hiện hợp đồng vay, ông P đã trả lãi cho ông C được 03 tháng (tháng 01, 02 và 03/2017), từ tháng 4/2017 ông P không trả tiền lãi cho ông C. Do ông P vi phạm thỏa thuận vay tiền nên nhiều lần ông C yêu cầu ông P phải trả nợ gốc và lãi cho ông C nhưng ông P không trả nợ. Đến ngày 28-02-2018, ông C đến nhà ông P để đòi nợ thì xảy ra mâu thuẫn, sự việc sau đó ông C bị khởi tố, xét xử về tội hủy hoại tài sản và bị kết án 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo theo bản án số 06/2019/HS-ST ngày 21-01-2019 của Tòa án nhân dân huyện N. Đồng thời, từ đó cho đến nay, ông P vẫn cố tình không trả nợ cho ông Lý Vĩ C.

Nay ông Lý Vĩ C khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện N giải quyết những vấn đề sau đây đối với bị đơn.

+ Yêu cầu ông Lê Duy P phải trả nợ gốc cho ông Lý Vĩ C số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng);

+ Yêu cầu ông Lê Duy P phải trả tiền lãi của số tiền gốc theo mức lãi suất hai bên thỏa thuận là 600.000 đồng/tháng tính từ tháng 4 năm 2017 cho đến tháng 3/2021 là 28.800.000 đồng (hai mươi tám triệu tám trăm nghìn đồng). Từ tháng 4/2021 đến khi xét xử không yêu cầu tính lãi suất.

Tài liệu cung cấp để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện là có căn cứ và hợp pháp gồm: bản án số 06/2019/HS-ST ngày 21-01-2019 của Tòa án nhân dân huyện N; quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn có yêu cầu Tòa án thu thập lời khai của ông Lê Duy P trong hồ sơ vụ án hình sự thụ lý số 03/2018/TLST-HS ngày 12-12-2018 (BL số 21 đến BL số 42).

2. Bị đơn ông Lê Duy P được Tòa án thông báo về việc khởi kiện nhưng không có ý kiến trình bày về việc khởi kiện của nguyên đơn; Tòa án đã tiến hành triệu tập lên lấy lời khai, tiến hành đối chất, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, gia gia phiên tòa xét xử. Tuy nhiên ông Lê Duy P cố tình vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến.

3. Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

3.1. Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã xác định đúng quan hệ tranh chấp, thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tiến hành đúng các thủ tục tố tụng, đảm bảo đầy đủ quyền và lợi ích hợp pháp cho đương sự.

3.2. Về nội dung giải quyết vụ án: áp dụng khoản 3 Điều 26, khoản 2 Điều 92 và khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, khoản 2 Điều 468 và Điều 469 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 1, 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Đề xuất nội dung giải quyết vụ án như sau:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lý Vĩ C.

Buộc ông Lê Duy P phải trả cho ông Lý Vĩ C số tiền nợ gốc là: 8.679.200 đồng, tiền lãi là: 6.943.400 đồng.

Buộc ông Lê Duy P phải chịu án phí sơ thẩm đối với yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận; buộc nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm đối với một phần yêu cầu khởi kiện không được Tòa án chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. Thủ tục tố tụng:

[1.1]. Quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án xác định quan hệ tranh chấp là: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện N theo quy định tại Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2]. Xét xử vắng mặt các đương sự:

Bị đơn ông Lê Duy P được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia tố tụng tại phiên tòa, vắng mặt lần thứ 2 không có lý do Cnh đáng nên căn cứ khoản 2 Điều 227 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của ông Lý Vĩ C yêu cầu Tòa án buộc ông Lê Duy P trả số tiền gốc là 10.000.000 đồng và tiền lãi từ tháng 4/2017 đến tháng 3/2021 là 28.800.000 thấy:

[2.1]. Ông Lý Vĩ C trình bày năm 2017, ông C cho ông Lê Duy P vay số tiền 10.000.000 đồng nhưng không làm giấy vay tiền, thỏa thuận mỗi tháng trả lãi là 600.000 đồng (6%/tháng), không thỏa thuận thời gian trả nợ. Tài liệu chứng cứ ông cung cấp cho Tòa án là bản án số 06/2019/HS-ST ngày 21-01-2019 của Tòa án nhân dân huyện N. Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn có yêu cầu Tòa án thu thập chứng cứ là lời khai của ông Lê Duy P, bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện N, bút ký phiên tòa có trong hồ sơ vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 03/2018/TLST-HS ngày 12-12-2018 được lưu trữ tại Tòa án nhân dân huyện N để làm căn cứ giải quyết vụ án.

Xét thấy, lời trình bày của ông Lý Vĩ C phù hợp với các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án hình sự sơ thẩm số 03/2018/TLST-HS ngày 12-12-2018 được lưu trữ tại Tòa án nhân dân huyện N do Tòa án thu thập theo yêu cầu của nguyên đơn (BL số 21 đến BL số 42) nên có đủ cơ sở để xác định: Đầu năm 2017, ông Lý Vĩ C có cho ông Lê Duy P vay số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng) không làm giấy tờ, không thỏa thuận thời gian trả nợ, thỏa thuận lãi suất một tháng là 600.000 đồng, ông Lê Duy P đã trả lãi được 03 tháng là tháng

01/2017, tháng 02/2017, tháng 03/2017 với tổng số tiền lãi đã trả là 600.000 đồng x 03 tháng = 1.800.000 đồng.

Xét các bên có xác lập hợp đồng vay tài sản, không thỏa thuận thời hạn trả nợ, có thỏa thuận lãi suất. Do đó, Tòa án xác định đây là hợp đồng vay tài sản không xác định kỳ hạn và có lãi. Tại khoản 2 Điều 469 Bộ luật Dân sự 2015 quy định: *"Đối với hợp đồng vay không kỳ hạn và có lãi thì bên cho vay có quyền đòi lại tài sản bất cứ lúc nào nhưng phải báo trước cho bên vay một khoảng thời gian hợp lý và được trả lãi đến thời điểm nhận lại tài sản…."*.

Tại bản án số 06/2019/HS-ST ngày 21-01-2019 của Tòa án nhân dân huyện N đã xác định: *"vào ngày 28-02-2018, ông Lý Vĩ C có đến nhà ông Lê Duy P để đòi nợ..."*, nhưng đến nay ông Lê Duy P vẫn chưa trả nợ gốc và lãi cho ông Lý Vĩ C. Do đó, ông Lý Vĩ C khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông Lê Duy P phải trả nợ gốc và lãi là có căn cứ.

[2.2]. Xét Hợp đồng vay tài sản giữa ông Lý Vĩ C và ông Lê Duy P được xác lập vào năm 2017 là thời kỳ thi hành Bộ luật Dân sự năm 2015, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 quy định mức lãi suất như sau: *"trường hợp các bên thỏa thuận lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm..."*. Như vậy, ông Lý Vĩ C và ông Lê Duy P thỏa thuận mức lãi suất 600.000 đồng/tháng đối với số tiền nợ gốc là 10.000.000 đồng, tương ứng với mức 06%/tháng và 72%/năm là cao hơn lãi suất quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Tại Điều 9 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quy định "*Hợp đồng vay tài sản có thỏa thuận về lãi suất, lãi trên nợ gốc quá hạn, lãi trên nợ lãi quá hạn cao hơn mức lãi suất, lãi trên nợ gốc quá hạn, lãi trên nợ lãi quá hạn được pháp luật quy định thì mức lãi suất, lãi trên nợ gốc quá hạn, lãi trên nợ lãi quá hạn vượt quá không có hiệu lực; số tiền lãi đã trả vượt quá mức lãi suất, lãi trên nợ gốc quá hạn, lãi trên nợ lãi quá hạn quy định được trừ vào số tiền nợ gốc tại thời điểm trả lãi; số tiền lãi đã trả vượt quá còn lại sau khi đã trừ hết nợ gốc thì*

được trả lại cho bên vay" do đó, phần lãi vượt quá không có hiệu lực, số tiền lãi đã trả vượt quá mức lãi suất được trừ vào số tiền nợ gốc tại thời điểm trả lãi.

[2.3]. Cách tính tiền lãi đã trả lãi vượt quá quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 để trừ vào số tiền nợ gốc vào thời điểm trả lãi như sau:

Tháng 01/2017 trả lãi 600.000 đồng, lãi suất theo quy định tại Điều 468 bộ luật Dân sự 2015 là (10.000.000 đồng x 20%/năm : 12 tháng) = 167.000 đồng (đã làm tròn số). Số tiền lãi vượt quá được tính là: 600.000 đồng – 167.000 đồng = 433.000 đồng được trừ vào tiền gốc. Như vậy, tính đến tháng 2/2017 số tiền gốc còn nợ là: 10.000.000 đồng – 433.000 đồng = **9.567.000** đồng.

Tháng 02/2017 trả lãi 600.000 đồng, lãi suất theo quy định tại Điều 468 bộ luật Dân sự 2015 là (9.567.000.000 đồng tiền gốc x 20%/năm : 12 tháng) = 159.500 đồng (đã làm tròn số). Số tiền lãi vượt quá được tính là: 600.000 đồng – 159.500 đồng = 440.500 đồng được trừ vào tiền gốc. Như vậy, tính đến tháng 3/2017 số tiền gốc còn nợ là: 9.567.000 đồng – 440.500 đồng = **9.126.500** đồng.

Tháng 03/2017 trả lãi 600.000 đồng, lãi suất theo quy định tại Điều 468 bộ luật Dân sự 2015 là (9.126.500 đồng tiền gốc x 20%/năm : 12 tháng) = 152.000 đồng (đã làm tròn số). Số tiền lãi vượt quá được tính là: 600.000 đồng – 152.000 đồng = 448.000 đồng được trừ vào tiền gốc. Như vậy, tính đến tháng 4/2017 số tiền gốc còn nợ là: 9.126.500 đồng – 448.000 đồng = **8.678.500** đồng.

Như vậy, với cách tính trên thì tính đến tháng 4/2017 ông Lê Duy P còn nợ tiền gốc của ông Lý Vĩ C là 8.678.500 đồng. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không chấp hành theo giấy báo, giấy triệu tập của Tòa án, không cung cấp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ về việc trả nợ cho nguyên đơn nên có đủ cơ sở buộc bị đơn phải trả số tiền nợ gốc cho nguyên đơn là 8.678.500 đồng là phù hợp.

[2.4]. Về tiền lãi: ông Lý Vĩ C yêu cầu ông Lê Duy P phải trả lãi từ tháng 4/2017 đến tháng 3/2021 tổng số tiền lãi là 28.800.000 đồng.

Như đã phân tích tại mục [2.2] đối với thỏa thuận mức lãi suất là 600.000 đồng/tháng là cao hơn mức lãi suất quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên phần thỏa thuận lãi vượt quá không có hiệu lực pháp luật. Do đó,

yêu cầu của ông Lý Vĩ C buộc ông Lê Duy P phải trả tiền lãi từ tháng 4/2017 đến tháng 3/2021 với mức lãi suất là 600.000 đồng/tháng, tổng cộng là 28.800.000 chỉ có căn cứ chấp nhận mức lãi suất theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 là 20%/năm.

Cách xác định lãi từ tháng 4/2017 đến tháng 3/2021 theo mức lãi suất 20%/năm như sau: [8.678.500 đồng tiền gốc x 48 tháng x 20%/năm] : 12 tháng = **6.942.800đồng** (đã làm tròn số) và buộc ông Lê Duy P có nghĩa vụ trả cho ông Lý Vĩ C.

[3]. Về án phí: Buộc ông Lê Duy P phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Số tiền án phí được tính như sau: 8.678.500 đồng tiền gốc + 6.942.800 đồng tiền lãi = 15.621.300 đồng x 5% = 781.000 đồng (đã làm tròn số).

Nguyên đơn ông Lý Vĩ C phải chịu án phí sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện không được Tòa án chấp nhận về phần tiền lãi. Cụ thể mức án phí phải chịu như sau: (28.800.00 đồng – 6.942.800 đồng) = 21.857.200 x 5% = 1.092.800 đồng, số tiền này được khấu từ vào số tiền 500.000 đồng tiền tạm ứng án phí Tòa án theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0025861 ngày 07-6-2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện N. Buộc ông Lý Vĩ C phải nộp (1.092.800 đồng – 500.000 đồng) = 592.800 đồng.

[4]. Quan điểm của Viện kiểm sát về nội dung giải quyết vụ án và nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm là phù hợp nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147; Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463; Điều 468 và Điều 469 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 9 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn,

giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án, ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lý Vĩ C đối với bị đơn ông Lê Duy P.

1. Buộc ông Lê Duy P phải trả số tiền nợ gốc là 8.678.500 đồng (tám triệu sáu trăm bảy mươi tám nghìn năm trăm đồng) cho ông Lý Vĩ C.

2. Buộc ông Lê Duy P phải trả tiền lãi từ tháng 4/2017 đến tháng 3/2021 số tiền lãi là 6.942.800 đồng (sáu triệu Cn trăm bốn mươi hai nghìn tám trăm đồng) cho ông Lý Vĩ C.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chưa thi hành án tương ứng với thời gian chưa thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về án phí:

+ Buộc ông Lê Duy P phải chịu 781.000 đồng (bảy trăm tám mươi mốt nghìn) án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

+ Nguyên đơn ông Lý Vĩ C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền lãi yêu cầu nhưng không được Tòa án chấp nhận, số tiền án phí phải chịu là: (28.800.00 đồng – 6.942.800 đồng) = 21.857.200 x 5% = 1.092.800 đồng, số tiền này được khấu từ vào số tiền 500.000 đồng tiền tạm ứng án phí Tòa án theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí số 0025861 ngày 07-6-2021 của Chi cục

Thi hành án dân sự huyện N. Buộc ông Lý Vĩ C phải nộp (1.092.800 đồng – 500.000 đồng) = 592.800 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (12-01-2022), đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND huyện N;
- Các đương sự;
- CCTHADS huyện N;
- Lưu hồ sơ, án văn.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Tùng

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND huyện N;
- Các đương sự;
- CCTHADS huyện N;
- Lưu hồ sơ, án văn.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Tùng